TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2025
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Tăng Hoàng Đa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 290/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 566/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* bà **Bùi Thị Kim T**, sinh năm 1986

CCCD số 092186001796 cấp ngày 05/11/2022.

Địa chỉ: ấp Thới Ninh, xã Trường Xuân, thành phố Cần Thơ.

** Bị đơn:* ông **Trần Minh H**, sinh năm 1982 (CMND số 361866153)

Địa chỉ: ấp Thới Ninh, xã Trường Xuân, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn và bị đơn cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T trình bày:

Bà và ông H tự tìm hiểu yêu thương, được gia đình hai bên đồng ý nên bà và ông H tiến đến hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường

Xuân (giấy chứng nhận kết hôn số: 66, ngày 25 tháng 5 năm 2007). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh H.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung Trần Thị Thảo M, sinh ngày 23/01/2006, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Minh H vắng mặt và không ý kiến về việc ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Bùi Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, ông Trần Minh H vắng mặt không rõ lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: bà Bùi Thị Kim T và ông Trần Minh H chung sống với nhau từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn hạnh phúc. Xét thấy, bà T yêu cầu ly hôn và ông H cũng không ý kiến, cả hai bên đều không có động thái hàn gắn hôn nhân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: theo bà T trình bày, bà và ông H có 01 con chung là chị Trần Thị Thảo M, sinh ngày 23/01/2006. Tính đến ngày xét xử, chị My đã thành niên, không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Thị Kim T được ly hôn ông Trần Minh H.

2. Về con chung: có 01 con chung là chị Trần Thị Thảo M, sinh ngày 23/01/2006 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí: bà Bùi Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005160 ngày 13/10/2025 thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc